

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;
Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 166/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ông Nguyễn Minh S; sinh năm 1984; CCCD số: 066084002647 cấp ngày 02/8/2022; trú tại: tổ B, phường N, thành phố Đà Nẵng và bà Thái Thị Thu T; sinh năm 1985; CCCD số: 0485006227 cấp ngày 02/4/2025, trú tại: tổ D A, phường N, TP Đà Nẵng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Minh S và bà Thái Thị Thu T kết hôn vào năm 2025 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, quận N nay là phường N, thành phố Đà Nẵng. Mâu thuẫn xin ly hôn là bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong mọi sinh hoạt trong gia đình, thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng. Hiện nay vợ chồng không muốn duy trì quan hệ vợ chồng nữa nên yêu cầu Tòa án cho ông bà được thuận tình ly hôn.

Xét thấy, ông S và bà T đã thật sự tự nguyện ly hôn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 55 Luật HNGĐ công nhận sự thuận tình ly hôn của ông bà.

[2]. Về con chung: Ông Nguyễn Minh S và bà Thái Thị Thu T khai nhận 01 con chung là Nguyễn Thái Minh T1, sinh ngày 24/02/2025. Ly hôn hai bên thống nhất thỏa thuận: bà Thái Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng con chung ông S không ai cấp dưỡng nuôi con.

Xét sự thỏa thuận của các đương sự bảo đảm quyền lợi của con chung, phù hợp với quy định tại các điều 81, 82 và 83 Luật HNGĐ nên chấp nhận.

[3]. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Minh S và bà Thái Thị Thu T khai nhận không có.

[4]. Lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) ông S và bà T chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 19/9/2025), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Minh S và bà Thái Thị Thu T thống nhất thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 141 của Ủy ban nhân dân xã H, quận N nay là phường N, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 16/4/2025 không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về quan hệ con chung: Ông Nguyễn Minh S và bà Thái Thị Thu T khai nhận có 01 con chung là Nguyễn Thái Minh T1, sinh ngày 24/02/2025. Hai bên đương sự thống nhất thỏa thuận như sau:

Bà Thái Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thái Minh T1, sinh ngày 24/02/2025 đến tuổi trưởng thành, ông Nguyễn Minh S không cấp dưỡng nuôi con.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung nợ chung: ông S và bà T khai nhận không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng y*) ông Nguyễn Minh S và bà Thái Thị Thu T phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số **0002424** ngày **18/9/2025** của Thi hành án dân sự khu vực TP Đà Nẵng. Ông S và bà T đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 06, 07 và 09 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 2 - Đà Nẵng;
- THADS TPĐN;
- Phòng THADS KV 2 ĐN;
- UBND p Ngũ Hành Sơn, TPĐN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Thanh Thủy